

Số: **1538** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **06** tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000
Đô thị Phố Cà, huyện Thanh Liêm**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Theo các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2011 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2013 phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 đô thị Phố Cà, huyện Thanh Liêm;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 1546a/TTr-SXD ngày 14 tháng 9 năm 2016) và báo cáo kết quả thẩm định, hồ sơ Quy hoạch kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Đô thị Phố Cà, huyện Thanh Liêm, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Đồ án: Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Đô thị Phố Cà, huyện Thanh Liêm.

2. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng Hà Nam.

3. Đơn vị tư vấn lập Quy hoạch: Viện Quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn (Bộ Xây dựng).

4. Tính chất, quy mô và phạm vi nghiên cứu:

a) Tính chất:

- Là đô thị dịch vụ thương mại tổng hợp, hỗ trợ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khu vực phía Nam tỉnh.

- Là động lực phát triển kinh tế xã hội khu vực phía Nam của tỉnh.

- Là đô thị loại V trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm, đầu mối giao thông cửa ngõ phía Nam của huyện và của tỉnh, kết nối với các tỉnh Nam Định, Ninh Bình và các tỉnh phía Nam.

b) Quy mô:

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng: 12.600 người.

+ Năm 2020: 24.000 người.

+ Năm 2030: 47.200 người.

- Quy mô đất đai:

+ Phạm vi nghiên định hướng sử dụng đất vùng lân cận: 6.711,5ha.

+ Phạm vi nghiên cứu trực tiếp: Tổng diện tích toàn đô thị là 1.390,0ha. (Trong đó: diện tích toàn bộ xã Thanh Tâm là 705,85ha, diện tích một phần xã Thanh Nghị là 491,0ha, diện tích một phần xã Thanh nghị là 491,0ha, diện tích một phần xã Thanh Nguyên là 193,32ha).

c) Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi nghiên cứu trực tiếp: Toàn bộ xã Thanh Tâm, một phần xã Thanh Nghị, một phần xã Thanh Nguyên huyện Thanh Liêm. Vị trí cụ thể:

+ Phía Bắc: Giáp ranh giới xã Thanh Hương và Thanh Tân;

+ Phía Nam: Giáp ranh giới xã Thanh Hải và phần còn lại của xã Thanh Nguyên;

+ Phía Đông: Giáp ranh giới xã Liêm Sơn;

+ Phía Tây: Giáp sông Đáy.

- Phạm vi nghiên cứu gián tiếp: Nghiên cứu quy hoạch đô thị Phó Cà trong mối quan hệ với các xã lân cận, mối quan hệ trong vùng tỉnh.

5. Thời hạn lập quy hoạch:

- Quy hoạch ngắn hạn (đợt đầu): Đến năm 2020.

- Quy hoạch dài hạn: Đến năm 2030.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

TT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2015		Quy hoạch đến năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện	Tỷ lệ	Diện	Tỷ lệ
		(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)
	Tổng DT đất trong phạm vi	1390.00	100.00	1390.00	100.00	1390.0	100.00
	- Đất xây dựng đô thị	248.68	15.76	505.31	36.35	721.69	51.92
	- Đất khác	1141.33	84.24	884.69	63.65	668.31	48.08
A	Tổng diện tích đất xây dựng	248.68	100.00	505.31	100.00	721.69	100.00
I	Đất dân dụng	148.58	59.75	328.98	65.10	474.84	65.80
1	Đất các đơn vị ở	111.19	44.71	158.78	31.42	241.72	33.49
	Đất ở hiện trạng cải tạo	111.19	44.71	111.47	22.06	111.47	15.45
	Đất ở mới	0.00	0.00	48.45	9.59	128.45	17.80

2	Đất công trình dịch vụ đô thị	8.895	3.58	35.28	6.98	41.49	5.75
	<i>Công trình hành chính</i>	1.215	0.49	10.11	2.00	10.11	1.40
	<i>Công trình giáo dục</i>	4.15	1.67	3.76	0.74	4.49	0.62
	<i>Công trình y tế</i>	0.55	0.22	0.43	0.09	0.43	0.06
	<i>Công trình công cộng</i>	1.94	0.78	20.46	4.05	25.95	3.60
	<i>Công trình chợ</i>	1.04	0.42	0.51	0.10	0.51	0.07
3	Đất thương mại sử dụng hỗn	2.36	0.95	40.87	8.09	45.94	6.37
4	Đất cây xanh	1.23	0.49	28.10	5.56	44.15	6.12
	<i>Cây xanh TĐTT</i>	1.23	0.49	21.46	4.25	21.46	2.97
	<i>Cây xanh vườn hoa khu ở</i>	0.00	0.00	6.64	1.31	22.69	3.14
5	Đất giao thông đối nội	24.90	10.01	65.94	13.05	101.54	14.07
II	Đất ngoài dân dụng	100.10	40.25	176.34	34.90	246.85	34.20
1	Đất công nghiệp, TTCN	2.58	1.04	6.01	1.19	12.55	1.74
2	Đất du lịch	0.00	0.00	29.79	5.90	46.24	6.41
3	Đất công trình đầu mối	0.00	0.00	2.58	0.51	9.03	1.25
4	Đất giao thông đối ngoại	40.20	16.17	61.65	12.20	61.65	8.54
5	Đất tôn giáo tín ngưỡng	4.02	1.62	3.67	0.73	3.67	0.51
6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	17.70	7.12	9.90	1.96	16.36	2.27
7	Đất mặt nước	15.67	6.30	48.18	5.45	70.55	10.56
8	Đất cây xanh cách ly	5.34	2.15	14.56	1.65	26.79	4.01
9	Đất dự án và đất đang thi công	14.59	5.87				
B	Đất khác trong khu vực	1141.33	100.00	884.69	100.00	668.31	100.00
I	Đất nông nghiệp (đất vườn	1013.93	88.84	591.07	66.81	71.13	10.64
II	Đất dự trữ phát triển	0.00	0.00	34.17	3.86	187.52	28.06
II	Đất cây xanh cảnh quan	0.00	0.00	132.90	15.02	283.10	42.36
IV	Đất lâm nghiệp	82.64	7.24	48.80	5.52	48.80	7.30
V	Đất vùng mở	0.00	0.00	32.99	3.73	32.99	4.94
VI	Đất sông suối	44.76	3.92	44.76	5.06	44.76	6.70

7. Quy hoạch định hướng phát triển không gian:

7.1. Nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đô thị:

- Lựa chọn hướng phát triển đô thị: Dọc tuyến Quốc lộ 1A cải tạo chỉnh trang gắn với quỹ đất còn lại hình thành các điểm dịch vụ thương mại nằm trên trục đường; Đường 495B kết hợp với các trục chính đô thị (quy hoạch) hình thành trung tâm hành chính, dịch vụ tổng hợp tạo thành lõi và các điểm nhấn của đô thị; trục Sông Đáy là khu vực cây xanh cảnh quan, điểm dịch vụ du lịch, đầu mối hạ tầng kỹ thuật dọc sông.

- Khai thác quỹ đất hiện có, tăng hệ số sử dụng đất bằng các giải pháp tăng mật độ xây dựng, nâng tầng cao công trình.

- Phát triển các khu vực xây dựng mới trên khu đất trống, tận dụng địa hình, cảnh quan tự nhiên.

- Phát triển đô thị theo hướng mở rộng khu dân cư cũ gắn với phát triển khu dân cư mới (hạn chế các trường hợp xây dựng khu dân cư mới độc lập), kết hợp với các trục đường chính đô thị để khai thác quỹ đất hiệu quả, bền vững.

- Mỗi khu đô thị (bao gồm cả khu dân cư các làng truyền thống hiện có) có trung tâm cấp đơn vị ở gồm các hạng mục công trình dịch vụ, tiện ích công cộng, hành chính văn hóa xã hội của khu phố và ở vị trí địa lý, giao thông thuận lợi, tạo điểm nhấn cảnh quan cho khu vực.

- Trung tâm toàn đô thị (trung tâm Thị trấn) gồm các khu chức năng chính: Khu hành chính - chính trị cấp đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao và khu hành chính thị trấn, cơ bản giữ nguyên theo vị trí hiện nay.

7.2. Phân khu chức năng:

- Trung tâm hành chính đô thị: Hướng chủ đạo Bắc Nam và vị trí trung tâm của đô thị. Khu vực giao giữa trục 495B và T4 với quỹ đất bằng phẳng, khai thác cảnh quan cây xanh, kết hợp sông Nguyệt Đức tạo dựng một khu trung tâm hành chính hiện đại, điểm nhấn cho đô thị.

- Trung tâm Giáo dục, Văn hóa - Thể dục thể thao: Tận dụng lợi thế giao thông chính từ trục T4 và hệ thống cây xanh mặt nước hệ thống sông Nguyệt Đức, bố trí vị trí khu đất gần thôn Kho Làng tạo dựng hệ thống công viên trung tâm (khai thác mặt nước sông Nguyệt Đức tạo cảnh quan), trung tâm thể dục thể thao và trung tâm giáo dục - văn hóa. Bố trí 01 trường Trung học phổ thông tại phía Bắc khu dân cư thôn Mòi (đối diện đình thôn Mòi), với diện tích khoảng 2 ha.

- Trung tâm Dịch vụ hỗn hợp: Gồm các loại hình dịch vụ thương mại, dịch vụ công nghiệp, dịch vụ du lịch và nhà ở thương mại. Khai thác lợi thế về giao thông để tạo dựng bộ mặt hiện đại cho một đô thị mới và hạn chế tối đa việc xây dựng nhà ở bấp bênh. Ưu tiên quỹ đất để bố trí các công trình dịch vụ hỗn hợp trên dọc trục đường 495B.

- Khu dân cư: Tổ chức thành 6 đơn vị ở. Mỗi đơn vị ở bố trí trung tâm đơn vị ở, gồm các công trình công cộng như trường học, nhà trẻ mẫu giáo... làm trung tâm của cụm dân cư, ngoài ra còn có các công trình sân chơi cho thiếu nhi, cây xanh và các dịch vụ công cộng khác phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của người dân. Cụ thể:

+ Đối với khu dân cư cũ: Trên cơ sở khu dân cư hiện có cải tạo, chỉnh trang với mật độ xây dựng thấp, tầng cao trung bình 3 tầng.

+ Đối với khu dân cư mới: Quy hoạch, xây dựng đồng bộ hạ tầng, với mật độ xây dựng trung bình, tầng cao trung bình 3 đến 4 tầng, định hướng nhà ở theo mô hình nhà ở xanh, hạn chế mô hình nhà ống.

- Hệ thống cây xanh cảnh quan: Tận dụng cảnh quan thiên nhiên vốn có, tạo dựng một đô thị có bản sắc riêng, có môi trường phát triển bền vững, với hệ thống cây xanh cảnh quan, kết hợp mặt nước trong lòng đô thị kết nối với các khu vực cây xanh, cảnh quan Sông Đáy, trục cây xanh vùng đệm khu vực đường dây điện 110KV, trục cây xanh trung tâm VH-TDĐT, trục cây xanh trung tâm Hành chính Đô thị, cây xanh cảnh quan núi Chùa...

- Đất du lịch sinh thái: Khai thác lợi thế về đặc điểm tự nhiên, sự thuận lợi về giao thông tới các điểm du lịch văn hóa trong khu vực, kết hợp với Khu di tích đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Núi Chùa để hình thành một quần thể khu du lịch sinh thái ven chân núi.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 1A (Mặt cắt 1-1, đường trục chính đô thị theo hướng Bắc Nam): $4,0\text{m (hè)} + 9\text{m (lòng đường)} + 1,0\text{m (GPC giữa)} + 9,0\text{m (lòng đường)} + 4,0\text{m (hè)} = 27,0\text{m}$.

- Đường tỉnh ĐT.495B (Mặt cắt 2-2, đường trục chính đô thị theo hướng Đông Tây): Lộ giới: $7,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường gom)} + 1,0\text{m (GPC)} + 16,0\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (GPC giữa)} + 16,0\text{m (lòng đường)} + 1,0\text{m (GPC)} + 7,5\text{m (lòng đường gom)} + 7,0\text{m (hè)} = 68,0\text{m}$.

- Đường tỉnh ĐT.495 (Mặt cắt 4-4): Lộ giới: $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$.

- Đường đê Tả Đáy - ĐH08 (Mặt cắt 3b-3b, đường số Đ.3A, Đ.3B, Đ.3C): Lộ giới: $3,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 3,0\text{m (hè)} + 25,0\text{m (hành lang bảo vệ đê)} = 38,5\text{m}$. Giai đoạn sau năm 2030, dự kiến nắn thẳng đoạn đê Tả Đáy hiện nay theo hướng tuyến đường Đ.3C để đảm bảo các yếu tố kỹ thuật và thuận tiện trong khai thác vận hành.

- Đường T4 (Mặt cắt 8-8, chạy từ Duy Tiên qua Phủ Lý xuống Phó Cà): Lộ giới: $6,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 6,0\text{m (GPC giữa)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 6,0\text{m (hè)} = 33,0\text{m}$.

b) Giao thông đô thị:

- Mạng lưới đường liên khu vực:

+ Đường Đ.1 (mặt cắt 7c-7c): $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (GPC)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} + 30,0\text{m (đường điện 110kV và hành lang cách ly)} = 60,0\text{m}$.

+ Đường Đ.2 (mặt cắt 4-4): $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$.

+ Đường Đ.4A, Đ.4B, Đ.5A, Đ.5B, (mặt cắt 7a-7a, 7b-7b): $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (GPC giữa)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 30,0\text{m}$.

+ Đường Đ.6 (mặt cắt 3a-3a): $3,0\text{m (hè)} + 7,0\text{m (lòng đường)} + 3,0\text{m (hè)} = 13,0\text{m}$.

- Đường chính khu vực:

+ Đường Đ.7A, Đ.8A, Đ.8B Đ.10A, Đ.10B, Đ.12A, Đ.12B, Đ.13, Đ.16 (mặt cắt 4-4): $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$.

+ Đường số Đ.7B, Đ.8C, Đ.15, Đ.17 (mặt cắt 3a-3a): $3,0\text{m (hè)} + 7,0\text{m (lòng đường)} + 3,0\text{m (hè)} = 13,0\text{m}$.

+ Đường số Đ.11A, Đ.11B (mặt cắt 7a-7a): $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (GPC giữa)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 30,0\text{m}$.

+ Đường số Đ.9A, Đ.9B, Đ.14 (mặt cắt 5-5): $5,0\text{m (hè)} + 15,0\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 25,0\text{m}$.

- Đường khu vực (mặt cắt 3a-3a): $= 3,0\text{m (hè)} + 7,0\text{m (lòng đường)} + 3,0\text{m (hè)} = 13,0\text{m}$.

c) Công trình đầu mối phục vụ giao thông đường bộ:

- Hệ thống cầu vượt sông: Đảm bảo yêu cầu phục vụ giao thông vận tải, yêu cầu về thẩm mỹ, hình thức kiến trúc phù hợp với công trình trong đô thị (*cầu vượt sông Đáy trên đường ĐT.495B, khi đô thị hình thành cần nghiên cứu cải tạo hình dáng kiến trúc cho phù hợp với tính chất cầu cảnh quan trong đô thị*).

- Tổ chức hệ thống nút giao thông đô thị: Bố trí tổ chức toàn bộ nút giao theo hình thức giao cùng mức, kết hợp sử dụng các đảo giao thông dẫn hướng tại các nút giao phức tạp, nút giao đòi hỏi yếu tố cảnh quan như nút giao N1, N2, N3, N5, N10 (*giao giữa đường ĐT.495B với đường đê Tả Đáy, đường QL.1A, đường T4, đường Đ.11A, Đ.11B, đường ĐT.495*); nút giao N6, N9 (*giao giữa QL.1A với đường Đ.5A, Đ.5B, đường Đ.4A, Đ.4B*).

- Hệ thống giao thông tĩnh phục vụ cấp đô thị:

+ Xây dựng mới 01 bến xe đối ngoại tại phía Nam khu vực nút giao N9 giữa đường QL.1A với đường Đ.5A, quy mô diện tích khoảng 2ha.

+ Xây dựng mới 02 bãi đỗ xe tĩnh nằm trong khu công viên cây xanh tại khu vực nút giao đường T4 với đường Đ.23B, nút giao đường Đ.5A với đường Đ.3C, quy mô diện tích mỗi vị trí khoảng 0,5ha. Ngoài ra, trong các khu chức năng của đô thị bố trí các điểm đỗ xe đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

d) Giao thông đường thủy:

- Nạo vét, cải tạo lòng sông, luồng lạch và kiên cố hóa kè kết hợp hệ thống đường (*đường dạo, đường ô tô*) tại những vị trí cần thiết trên các đoạn sông Đáy đê nâng cao năng lực vận tải thủy. Ngoài chức năng vận tải thủy, hình thành trục cảnh quan cây xanh mặt nước chủ đạo của đô thị, phục vụ phát triển du lịch dọc sông Đáy.

- Hệ thống bến, cảng: Bố trí 01 bến cảng trên sông Đáy trong khu vực xây dựng đô thị Phố Cà, có chức năng phục vụ phát triển du lịch.

8.2. San nền:

a) Hệ thống công trình phòng chống lũ: Nâng cấp cải tạo hệ thống đê điều có chức năng phòng chống lũ trên sông Đáy thuộc địa bàn huyện Thanh Liêm nói chung và khu vực Phố Cà nói riêng. Đô thị phố Cà được bảo vệ bởi hệ thống đê Tả Đáy dự kiến sẽ được nâng cấp cải tạo mở rộng mặt đê lên 7,5m, cao trình mặt đê từ +6.2 đến +6.6m, khoảng cách ly an tào bảo vệ đê khoảng 25m tính từ chân đê ra phía ngoài.

b) Nền xây dựng:

- Cao độ nền xây dựng khống chế cho toàn bộ khu vực đô thị Phố Cà: $H_{XD} \geq +2.5m$.

- Đối với khu dân cư làng xóm hiện hữu: Giữ nguyên cao độ nền xây dựng hiện trạng.

+ Đối với khu vực phía Tây (*từ đê Tả Đáy đến QL.1A*) $H_{XD} \geq +2.5$ đến +3.0m.

+ Đối với khu vực phía Đông (*từ đường QL.1A đến khu vực dãy núi Chùa*) $H_{XD} \geq +2.5$ đến +4.2m.

- Đối với khu vực xây dựng mới: Cao độ nền xây dựng $+2.5m \leq H_{XD} \leq +3.5m$.

8.3. Cấp nước:

a) Nguồn nước, nhu cầu dùng nước và phân vùng cấp nước:

- Sử dụng nguồn nước mặt sông Đáy là nguồn cấp chính cho khu vực đô thị.

- Nhu cầu dùng nước đến năm 2020 khoảng $3.200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, đến năm 2030 khoảng $8.500\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Ngoài ra, đề xuất mở rộng phạm vi cấp nước sạch cho 02 xã Liêm Túc và Liêm Sơn, nâng tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2020 khoảng $5.800\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, đến năm 2030 khoảng $13.200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Phân vùng cấp nước:

+ Phân vùng I: Toàn bộ đô thị Phố Cà.

+ Phân vùng II: Toàn bộ 02 xã Liêm Túc và Liêm Sơn.

b) Nhà máy cấp nước: Xây dựng mới Nhà máy cấp nước cho đô thị Phố Cà và 02 xã Liêm Túc và Liêm Sơn; quy mô công suất đến 2020 là $7.500\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, đến 2030 là $15.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, khai thác nước mặt sông Đáy.

c) Mạng lưới ống cấp nước:

- Mạng lưới đường ống phân phối chính: Xây dựng mới hệ thống đường ống theo dạng vòng, tiết diện đường ống từ D110 đến D200. Ngoài ra, cải tạo nâng cấp hệ thống đường ống cấp nước hiện có trên địa bàn xã Thanh Nghị và Thanh Nguyên để đảm bảo cung cấp nước sạch đến các đối tượng dùng nước.

- Bố trí hệ thống cấp nước chữa cháy theo quy định, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy cho đô thị.

- Bố trí 02 trạm bơm tăng áp, trong đó 01 trạm đặt phía Đông phục vụ cho 02 xã Liêm Túc, Liêm Sơn (*công suất năm 2020 là $3.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$, năm 2030 là $5.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$*), 01 trạm đặt tại phía Nam đô thị Phố Cà công suất $1.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$.

8.4. Thoát nước mặt:

Xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng cho các khu vực làng xóm hiện hữu, hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn cho các khu vực xây dựng mới. Xây dựng các hồ điều hòa và các trạm bơm tiêu úng để phục vụ thoát nước mặt cho khu vực đô thị.

a) Hệ thống thoát nước mặt chia thành 4 lưu vực chính:

- Lưu vực 1A: Khu vực phía Tây Bắc (*từ phía Tây đường QL.1A, phía Bắc đường ĐT.495B đến đê Tả Đáy*), hướng dốc chính về phía Bắc, nước mặt theo hệ thống cống tập trung về sông Tràng sau đó thoát ra sông Đáy qua trạm bơm Nham Tràng.

- Lưu vực 1B: Khu vực phía Tây Nam (*từ phía Tây đường QL.1A, phía Nam đường ĐT.495B đến đê Tả Đáy*), hướng dốc chính từ phía Tây sang phía Đông, nước mặt theo hệ thống cống tập trung về kênh tiêu TN chảy lên phía Bắc thoát ra sông Tràng, sau đó đổ ra sông Đáy qua trạm bơm Nham Tràng.

- Lưu vực 2A: Khu vực phía Đông Bắc (*từ phía Đông đường QL.1A, phía Bắc đường ĐT.495B đến dãy núi Chùa*), hướng dốc chính về phía Bắc, nước mặt theo hệ thống cống tập trung về kênh KN (*sông Nguyệt Đức*), kênh tiêu NT5 (*sông Kinh Thủy*) đổ ra sông Tràng, sau đó thoát ra sông Đáy qua trạm bơm Nham Tràng.

- Lưu vực 2B: Khu vực phía Đông Nam (*từ phía Đông đường QL.1A, phía Nam đường ĐT.495B đến hết ranh giới đô thị*), hướng dốc chính về phía Nam, nước mặt theo hệ thống cống tập trung về kênh KN (*sông Nguyệt Đức*), kênh tiêu NT5 (*sông Kinh Thủy*), kênh 12, kênh KN17 sau đó thoát ra sông Đáy qua trạm bơm Kinh Thanh I, II.

b) Mạng lưới công thoát nước mưa:

- Mạng lưới thoát nước được thiết kế theo chế độ tự chảy, được hình thành trên cơ sở tuyến cống, cửa thu nước, giếng kỹ thuật, hố ga và cửa xả.

- Hệ thống công sử dụng loại cống tròn BTCT đặt trên hè đường, tiết diện cống D400 đến D800. Khoảng cách các giếng thu, giếng thăm được bố trí trung bình khoảng 40÷50m/giếng và bố trí tại các vị trí đặc biệt (*thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng tuyến cống, thay đổi độ sâu chôn cống...*).

- Xây dựng hệ thống dốc nước, mương đón nước ở khu vực ven sườn núi Chùa để phòng chống sạt lở đất đảm bảo an toàn cho các công trình xây dựng và dân cư sinh sống kề cận.

c) Hệ thống các tuyến kênh tiêu hờ: Được gia cố bằng hệ thống kè hai bên, đồng thời bố trí hành lang xanh chạy dọc kết hợp đường dạo hoặc đường ô tô.

d) Hệ thống hồ điều hòa nước mặt trong khu vực đô thị:

- Trong đô thị bố trí 03 hồ điều hòa kết hợp công viên cây xanh có vai trò điều tiết nước mặt và điều hòa không khí cho toàn đô thị (*hồ H1 bố trí tại trung tâm đô thị; hồ H2 bố trí tại phía Đông; hồ H3 bố trí tại phía Tây Bắc*).

- Hệ thống bờ xung quanh hồ được gia cố bằng hệ thống kè đảm bảo vừa chống sạt lở vừa có tính thẩm mỹ.

đ) Công trình trạm bơm tiêu úng cho đô thị Phố Cà:

Sử dụng 03 trạm bơm hiện có trong khu vực, đảm bảo tiêu nước cho toàn đô thị trong tương lai, đó là: Trạm bơm Nhâm Tràng, công suất 6x11.000 m³/h; Trạm bơm Kinh Thanh I, công suất 4x12.000 m³/h; Trạm bơm Kinh Thanh II, công suất 4x30.600 m³/h.

8.5. Thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải tính toán đến năm 2020 là 2.300 m³/ng.đ, năm 2030 là 6.800 m³/ng.đ.

- Nước thải từ các cơ sở sản xuất, các hộ gia đình được xử lý sơ bộ trước khi đổ vào công thoát nước đô thị. Hệ thống công thoát nước thải bố trí trên hè đường cùng hệ thống hố ga thu nước, giếng thăm, trạm bơm chuyển bậc để đưa nước thải về 03 trạm xử lý nước thải tập trung đặt tại phía Đông Bắc, phía Đông Nam và phía Tây Nam của đô thị. Giai đoạn đến năm 2020, mỗi trạm xử lý (TXL) có công suất dự kiến khoảng 1.000m³/ng.đ; giai đoạn 2030, tăng công suất TXL số 1 lên 2.000m³/ng.đ, TXL số 2 lên 2.500m³/ng.đ, TXL số 3 lên 2.500m³/ng.đ.

- Nước thải được thu gom xử lý theo 3 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1 (*từ ranh giới phía Bắc, phía Đông của đô thị đến phía Bắc đường ĐT.495B và phía Đông đường QL.1A*): trong hệ thống thu gom nước thải bố trí 01 trạm bơm chuyển bậc trong lưu vực để đưa nước về trạm xử lý nước thải số 1 tại khu vực phía Đông Bắc (*diện tích bố trí xây dựng trạm dự kiến khoảng 1,25ha*). Nước thải sau xử lý xả ra sông Kinh Thủy.

+ Lưu vực 2 (*từ ranh giới phía Nam, phía Đông của đô thị đến phía Nam đường ĐT.495B và phía Đông đường QL.1A*): trong hệ thống thu gom nước thải

bố trí 01 trạm bơm nước thải trong lưu vực đưa nước về trạm xử lý nước thải số 2 tại khu vực phía Đông Nam (diện tích khoảng 1,25ha). Nước thải sau xử lý xả ra Kênh 12.

+ Lưu vực 3 (từ ranh giới phía Bắc, phía Tây của đô thị đến phía Tây đường QL.1A và hết ranh giới phía Nam của đô thị): Trong hệ thống thu gom nước thải bố trí 01 trạm bơm nước thải trong lưu vực, đưa nước về trạm xử lý nước thải số 3 tại khu vực phía Tây Nam (diện tích khoảng 1,5ha). Nước thải sau xử lý xả ra sông Đáy.

8.6. Cấp điện:

a) Nguồn điện:

- Giai đoạn 2015 ÷ 2020: Xây mới TBA 220kV Thanh Nghị, quy mô công suất 1x250MVA và nâng công suất TBA 110kV Thanh Nghị lên quy mô 1x40MVA.

- Giai đoạn 2021-2030: Nâng cấp công suất TBA 220kV Thanh Nghị lên quy mô 2x250MVA và nâng công suất TBA 110kV Thanh Nghị lên quy mô 2x40MVA.

b) Tổng công suất cấp cho toàn đô thị: Dự báo đến năm 2020 khoảng 18,5MVA, đến năm 2030 khoảng 60MVA.

c) Lưới điện:

- Lưới 110kV: Cải tạo tuyến 110kV mạch đơn sang mạch kép, đảm bảo an toàn hành lang lưới điện đồng thời cải tạo chỉnh trang tạo mỹ quan đô thị.

- Lưới trung áp: Về lâu dài chỉ sử dụng lưới điện 22KV, kết cấu lưới dạng mạng kín đảm bảo nâng cao độ tin cậy trong quá trình cung cấp điện, giai đoạn đầu lưới 35kV giữ nguyên, khi trạm 110kV phân phối điện áp 22kV thì lưới điện 35kV chuyển sang vận hành lưới điện 22kV. Đối với các khu vực trung tâm đô thị hệ thống đường dây cấp điện được ngầm hóa để đảm bảo an toàn và tạo mỹ quan đô thị; đối với khu vực xa trung tâm đô thị có thể cho phép đi nổi.

8.7. Quy hoạch hệ thống rác thải vệ sinh môi trường:

a) Quản lý chất thải rắn:

- Tổng lượng chất thải rắn (CTR) của toàn đô thị tính đến năm 2020 khoảng 17 tấn/ngày.đêm; năm 2030 khoảng 60 tấn/ngày.đêm.

- CTR sinh hoạt: Tổ chức thu gom, phân loại CTR tại nguồn và chuyển về xử lý tại Khu xử lý CTR tập trung tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm với công nghệ xử lý tổng hợp (nhà máy chế biến CTR + ô chôn lấp CTR hợp vệ sinh + khu xử lý CTR nguy hại) và mở rộng với tổng diện tích mở rộng 25ha.

- CTR y tế, CTR công nghiệp-xây dựng: Đối với CTR thông thường sẽ thu gom xử lý chung với CTR sinh hoạt. CTR y tế, công nghiệp nguy hại được xử lý tại bệnh viện, nhà máy sau đó đưa bãi rác tập trung của tỉnh để xử lý.

- Bố trí 08 điểm trung chuyển CTR (R) phục vụ quá trình thu gom vận chuyển rác trong đô thị đi xử lý, quy mô diện tích mỗi điểm dự kiến khoảng 200÷360m².

b) Nghĩa trang:

- Từng bước thực hiện đóng cửa, dùng chôn cất ở các nghĩa trang rải rác hiện có và các nghĩa trang nông thôn mới nằm trong khu vực phát triển đô thị. Di chuyển các phần mộ riêng lẻ về nghĩa trang tập trung đã được quy hoạch cải tạo chỉnh trang để phục vụ từng khu vực đô thị trong thời gian ngắn hạn như: nghĩa trang thôn Nham Kênh (*phục vụ khu vực phía Tây đô thị-xã Thanh Nghị*), nghĩa trang thôn Mộc Tòng (*phục vụ khu vực phía Nam đô thị-xã Thanh Nguyên*), nghĩa trang thôn Sở (*phục vụ khu vực phía Bắc và phía Đông đô thị-xã Thanh Tâm*), nghĩa trang thôn Thong (*phục vụ khu vực phía Đông Bắc-xã Thanh Tâm*).

- Về lâu dài, chỉ bố trí 01 nghĩa trang tập trung phục vụ toàn bộ đô thị tại phía Đông Nam (*khu vực thôn Sở, quy mô diện tích khoảng 7ha*).

c) Nhà tang lễ: Bố trí 01 Nhà tang lễ phục vụ cho toàn đô thị.

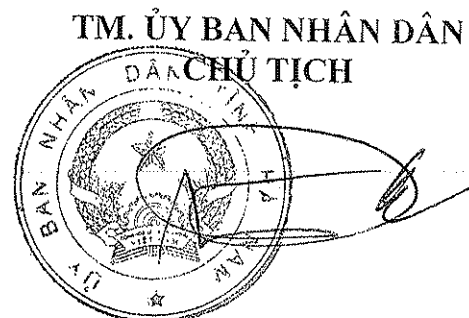
d) Hệ thống nhà vệ sinh công cộng: Từng bước nghiên cứu xây dựng các công trình vệ sinh công cộng phục vụ đô thị tại vị trí gần các điểm vui chơi giải trí, công viên cây xanh, quảng trường, trung tâm thương mại dịch vụ, khu vực công cộng tập trung đông người...

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố quy hoạch và quản lý quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giáo dục Đào tạo, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công ty Điện lực Hà Nam; Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 2;
 - CB Hà Nam; Báo Hà Nam, Đài PTTH tỉnh;
 - VPUB: CPVP(3), GTXD, NN, TN, NV, TC, TH(2);
 - Lưu VT, XD.
- QV. - D\QĐ\2016\077



Nguyễn Xuân Đông